

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO  
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 327/2020/DS-PT

Ngày: 19/8/2020

V/v “T/c thừa kế”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đặng Văn Ý

*Các Thẩm phán:* Ông Đỗ Đình Thanh

Ông Đặng Văn Thành

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Hồng Hạnh – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Bùi Văn Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 8 năm 2020, tại Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 86/2020/DS-PT ngày 05/02/2020, về việc: “Tranh chấp thừa kế tài sản”

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 06/2019/DSST ngày 14 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1965/2020/QĐPT-DS, ngày 20/7/2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1967;

Địa chỉ: Số 118, ấp P, xã P, huyện D, tỉnh Tây Ninh (có mặt).

2. Bị đơn: Bà Lê Thùy T; sinh năm 1974;

Địa chỉ: Số 15/5, tổ 8, ấp P, xã P, huyện D, tỉnh Tây Ninh (có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1955; địa chỉ: Số nhà 287, tổ 23, ấp Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An (có mặt).

3.2. Bà Nguyễn Mộng T, sinh năm 1971; địa chỉ: Số 12, tổ 1, ấp B, xã P, huyện D, tỉnh Tây Ninh (có mặt).

3.3. Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1957; địa chỉ: Số 152, tổ 9, ấp B, xã P, huyện D, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt).

3.4. Ông Nguyễn Văn Ph, sinh năm 1959; địa chỉ: Tổ 8, ấp P, xã P, huyện D, tỉnh Tây Ninh (có mặt).

3.5. Bà Nguyễn Thị Q, sinh năm 1963; địa chỉ: Tổ 8, ấp P, xã P, huyện D, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt).

3.6. Bà Trần Ngọc G, sinh năm 1978; địa chỉ: Ấp B, xã P, huyện D, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt).

3.7. Anh Trần Quang Th, sinh năm 1980; địa chỉ: Ấp B, xã P, huyện D, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt).

3.8. Chị Trần Ngọc M, sinh năm 1983; địa chỉ: Ấp B, xã P, huyện D, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt).

3.9. Anh Trần Quang Nh, sinh năm 1990; địa chỉ: Ấp B, xã P, huyện D, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của bà X, bà Q, bà G, anh Th, chị M, anh Nh: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1967; địa chỉ: Số 118, ấp P, xã P, huyện D, tỉnh Tây Ninh (có mặt).

3.10. Chị Trần Ngọc Ng, sinh năm 1986; địa chỉ: Mishima-mura kagoshima-gun, thành phố Kagoshima, Japan (có đơn xin vắng mặt).

3.11. Chị Nguyễn Thị Ngọc Đ, sinh năm 1993; địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện D, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt).

3.12. Chị Nguyễn Thị T T, sinh năm 1977 (vắng mặt).

3.13. Chị Nguyễn Thị M L, sinh năm 2000 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Số 15/5, tổ 8, ấp P, xã P, huyện D, tỉnh Tây Ninh.

3.14 Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam chi nhánh H Phòng giao dịch huyện D; đại diện hợp pháp: ông Dương Công Thành - chức vụ Phó giám đốc (vắng mặt).

3.15 Anh Ngô Tấn T, sinh năm 1995; địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện D, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt).

Người kháng cáo: Bà Lê Thùy T.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện ngày 28-2-2017 và trong quá trình giải quyết vụ án; nguyên đơn, đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Q, chị Trần Ngọc G, anh*

*Trần Quang Th, chị Trần Ngọc M, anh Trần Quang Nh - bà Nguyễn Thị L trình bày:*

Mẹ bà là cụ bà Mai Thị Chón chung sống với cụ ông Ngô Văn Nôi, có 01 người con chung là bà Ngô Thị Nôi (chết năm 2009), bà Nôi có 05 người con: chị Trần Ngọc G, anh Trần Quang Th, chị Trần Ngọc M, anh Trần Quang Nh, chị Trần Ngọc Ng.

Sau khi cụ Nôi chết (do hy sinh), cụ Chón chung sống với cha bà là cụ ông Nguyễn Văn Nghĩa, sinh năm 1916 (chết năm 1997). Mẹ bà là cụ Mai Thị Chón, sinh năm 1930 (chết năm 1995). Cha mẹ bà có 07 người con: bà Nguyễn Thị D; bà Nguyễn Thị X; ông Nguyễn Văn Ph; bà Nguyễn Thị Q; bà là Nguyễn Thị L; ông Nguyễn Văn Đức (chết 2010), ông Đức có vợ là bà Lê Thùy T; ông Đức và bà T có 03 người con chung: Nguyễn Thị Ngọc Đ; chị Nguyễn Thị T T; chị Nguyễn Thị M L; bà Nguyễn Mộng T.

Ngoài ra cha mẹ bà không có con nuôi hay con ngoài giá thú. Ông bà ngoại, ông bà nội bà đã chết trước cha mẹ bà, cha mẹ bà không có cha mẹ nuôi. Cụ Nghĩa cụ Chón chết đi không để lại di chúc. Di sản cha mẹ bà chết để lại là 02 thửa đất:

Phần đất thửa 82, tờ bản đồ số 27, diện tích thực tế là 10.106,8 m<sup>2</sup> (diện tích theo giấy chứng nhận QSDĐ là 10.106,8 m<sup>2</sup>) đất tọa lạc tại ấp P, xã P, huyện D, tỉnh Tây Ninh do bà Lê Thùy T, chị Nguyễn Thị Ngọc Đ, chị Nguyễn Thị T T, Nguyễn Thị M L đứng tên giấy chứng nhận QSDĐ.

Phần đất thuộc thửa số 7 và thửa số 176, diện tích 9.247,2 m<sup>2</sup> (theo giấy là 10.013,7m<sup>2</sup>) đất tọa lạc tại ấp P, xã P, huyện D, tỉnh Tây Ninh do bà Lê Thùy T, chị Nguyễn Thị Ngọc Đ, chị Nguyễn Thị T T, Nguyễn Thị M L đứng tên giấy chứng nhận QSDĐ.

Theo bà, trước năm 1994, cụ Nghĩa cùng cụ Chón từ Long An lên Tây Ninh lập nghiệp, khai khẩn đất và kê khai được cấp giấy đất đối với diện tích 30.376 m<sup>2</sup> vào ngày 20 tháng 8 năm 1994; đến ngày 05/7/2006 ông Đức cùng bà X, bà Ph, bà Q cùng ra UBND xã P, huyện D lăn tay vào Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế đối với phần đất diện tích 10.603 m<sup>2</sup> do cụ Nghĩa để lại; do đó ngày 01/12/2006 ông Đức và bà T được UBND Huyện D cấp giấy chứng nhận đối với phần đất diện tích 10.603 m<sup>2</sup> đất tọa lạc tại thửa 205, tờ bản đồ 10 cấp ngày 24/6/2011 cho bà T và ông Đức. Sau khi ông Đức chết, đến ngày 05/11/2013 bà T và các con bà T ông Đức đi kê khai và được cấp giấy đất diện

tích 10.142,3 m<sup>2</sup>, thửa 82, tờ bản đồ số 27 theo giấy chứng nhận QSDĐ số CH 06409 do Ủy ban nhân dân huyện D cấp.

Phần đất này trước khi các cụ chết, để lại khoảng 01 công đất rừng; còn lại là đất đã thành thuộc. Sau khi cụ Nghĩa chết, vợ chồng bà T bán cây rừng, thuê người đánh gốc, rồi lấy đất trồng trồng cao su.

Bà cho rằng ngày 05/7/2006 bà X, bà Ph, bà Q có lẫn tay vào Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế đối với phần đất diện tích 10.603 m<sup>2</sup> do cụ Nghĩa để lại tuy nhiên; các bên lẫn tay là do ông Đức yêu cầu lẫn tay để ông Đức đi vay tiền, không nghĩ là ông Đức làm giấy sang tên đất cho ông đứng tên.

Nguồn gốc phần đất 9.247,2 m<sup>2</sup> (theo giấy là 9.563,5m<sup>2</sup>) thửa số 7, tờ bản đồ số 36 tọa lạc tại ấp P, xã P, huyện D, tỉnh Tây Ninh thuộc phần 18.430 m<sup>2</sup> cấp cho ông Nguyễn Văn Đức số vào sổ 01404QSDĐ/450410 là cha mẹ bà từ Long An lên Tây Ninh lập nghiệp khai khẩn có được nhưng không đi kê khai đăng ký vì trốn thuế đất; sau khi cha bà chết ông Đức tự ý đăng ký kê khai và được cấp giấy ngày 27/10/1997; Khoảng 3 năm sau ông Đức bán cho ông Nguyễn Văn Lái thửa 639 diện tích 4.720m<sup>2</sup>, anh Huỳnh Quốc Toại (con bà) phần đất thửa 595 diện tích 3735m<sup>2</sup>. Ông Đức đi kê khai dùm bà Q, đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa 596 diện tích 2.700 m<sup>2</sup> (hiện tại phần này bà Q đã bán để trừ nợ), nguồn gốc phần này cũng là của cha bà là cụ Nghĩa để lại. Phần đất này trước khi cụ Nghĩa chết, đất đã thành thuộc.

Việc ông Đức đi kê khai đăng ký và được cấp giấy đối với phần đất 18.430 m<sup>2</sup> số vào sổ 01404QSDĐ/450410 bà biết và không có ý kiến gì. Việc mua bán với anh Toại và ông Lái bà cũng biết và không có ý kiến.

Bà không tranh chấp đối với phần đất thửa 639 diện tích 4.720m<sup>2</sup> đã bán cho ông Lái, phần đất thửa 595 diện tích 3735m<sup>2</sup> đã bán cho ông Toại, phần đất thửa 596 diện tích 2.700 m<sup>2</sup> bà Q được đứng tên.

Ngoài ra, hai cụ không còn để lại di sản nào khác.

Mặc dù, bà Nời là con riêng của mẹ bà cụ Mai Thị Chón với cụ ông Ngô Văn Nời, tuy nhiên bà Nời sống với cụ Nghĩa cụ Chón từ nhỏ; hai cụ có công chăm sóc nuôi dưỡng bà Nời nên bà yêu cầu Tòa án chia cho bà Nời (các con bà Nời là thừa kế thế vị của bà Nời) được hưởng 01 phần di sản của cụ Nghĩa và cụ Chón để lại bằng với các con chung của cụ Chón và cụ Nghĩa.

Ngày 20/3/2011, giữa bà T và anh Ngô Tấn T có lập giấy sang nhượng cho anh Tài phần đất 2000 m<sup>2</sup> đất tại Ấp P, xã P, huyện D, tỉnh Tây Ninh nhưng thực

tế các bên không thực hiện. Trên đất có 01 căn nhà của bà Q xây dựng nhưng bà không tranh chấp.

Bà khởi kiện yêu cầu Tòa án chia đều 02 phần đất thành 09 phần trong đó cho bà T hưởng 02 phần do bà T có công sức gìn giữ tài sản vì bà T và ông Đức là người trực tiếp quản lý và sử dụng đất tranh chấp từ trước đến nay.

Đối với căn nhà và cao su trên phần đất 10.142,3 m<sup>2</sup>, thửa 82, tờ bản đồ số 27 tại ấp P, xã P, huyện D, tỉnh Tây Ninh; bà thống nhất giao căn nhà và cao su trên đất giao cho bà Q quản lý sử dụng; cao su trên đất thì người nào được chia đất có cao su có nghĩa vụ hoàn tiền lại cho bà Q.

Bà thống nhất với kết quả đo đạc, định giá phần đất tranh chấp của Công ty TNHH Trắc địa và bản đồ miền nam và Công ty TNHH Thẩm định giá MHD theo sơ đồ hiện trạng số 31/TĐMN-2018 và chứng thư thẩm định số 0633N/2018/CT-MHD ngày 02/07/2018.

*Trong quá trình giải quyết vụ án - bà Lê Thùy T, bị đơn trình bày:*

Bà T thống nhất với lời trình bày của bà L về thời Đ cụ Chón và cụ Nghĩa chết, các con của hai cụ, thời Đ bà Nời, ông Đức chết, các con bà Nời; vợ và con ông Đức (chồng bà).

Cha mẹ chồng bà chết đi để lại phần đất thửa 82, tờ bản đồ số 27, diện tích thực tế là 10.106,8 m<sup>2</sup> đất tọa lạc tại ấp P, xã P, huyện D, tỉnh Tây Ninh do bà và các con bà đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Bà cho rằng trước năm 1994, cụ Nghĩa cùng cụ Chón từ Long An lên Tây Ninh lập nghiệp, khai khẩn đất và kê khai được cấp giấy đất đối với diện tích 30.376 m<sup>2</sup> vào ngày 20 tháng 8 năm 1994; đến ngày 05/7/2006 ông Đức cùng bà X, ông Ph, bà Q cùng ra UBND xã P, huyện D lăn tay vào Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế đối với phần đất diện tích 10.603 m<sup>2</sup> do cụ Nghĩa để lại; do đó, ngày 01/12/2006 ông Đức và bà T được UBND Huyện D cấp giấy chứng nhận đối với phần đất diện tích 10.603 m<sup>2</sup> đất tại thửa 205, tờ bản đồ 10 cấp ngày 24/6/2011. Sau khi ông Đức chết, đến ngày 05/11/2013 bà T và các con bà T ông Đức đi kê khai và được cấp giấy đất diện tích 10.142,3 m<sup>2</sup>, thửa 82, tờ bản đồ số 27 theo giấy chứng nhận QSDĐ số CH 06409 do Ủy ban nhân dân huyện D cấp. Phần đất này khi còn sống cụ Nghĩa đứng tên giấy đất; sau khi cụ Nghĩa chết, đến khoảng năm 2006 ông Đức cùng bà X, bà Ph, bà Q lăn tay cho bà và ông Đức đứng tên đất, sau khi ông Đức chết bà và các con được thừa kế nên được đứng tên phần đất này.

Đối với phần đất diện tích 9.247,2 m<sup>2</sup> (theo giấy 9.563,5 m<sup>2</sup>) thửa số 7, tờ bản đồ số 36 tọa lạc tại ấp P, xã P, huyện D, tỉnh Tây Ninh; nguồn gốc phần đất này khi về làm dâu đã có phần đất này, khi đó đất là đất rừng chưa thành thuộc, bà và chồng tự khai khẩn để canh tác từ năm 1990 cho đến nay; do đó, bà không đồng ý chia phần đất này theo yêu cầu của nguyên đơn vì đất này không phải là di sản của hai cụ để lại.

Bà cho rằng, khi còn sống cha mẹ chồng bà đã cho bà D, bà X phần đất và nhà tọa lạc tại xã Đức Lập, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An; cho ông Ph phần đất khoảng hơn 02 mẫu đất giáp ranh đất bà đang ở tại ấp P, xã P, huyện D, Tây Ninh; cho bà L, bà Q, bà T chung phần đất khoảng 15.000 m<sup>2</sup>, tọa lạc tại ấp P, xã P, huyện D, Tây Ninh; sau đó, bà T thiếu nợ nên ông Nghĩa bán đất cho ông Mai Văn Buôn để trừ nợ cho bà T, phần của bà L thì bà T giao lại 04 chỉ vàng; phần bà Q thì cho bà T (không lấy tiền lại). Tuy nhiên bà không có giấy tờ gì chứng minh.

Nay nguyên đơn yêu cầu chia di sản thừa kế thành 09 phần; bà không đồng ý vì cho rằng bà về làm dâu năm 1990; bà có công chăm sóc hai cụ lúc còn sống. Nay bà chỉ đồng ý chia phần đất diện tích 10.142,3 m<sup>2</sup> cho những người không lẫn tay vào Văn bản phân chia di sản thừa kế ngày 05 tháng 7 năm 2006 trong đó có các con của bà N, vì cha mẹ bà nuôi bà N từ nhỏ, cụ Nghĩa coi bà N như con ruột nên đồng ý chia cho các con bà N 01 phần; theo bà vì những người đã lẫn tay vào Văn bản thì có ý chí giao đất cho chồng bà đứng tên nên bà không đồng ý chia cho những người này nữa. Cao su trên đất là của bà; tuy nhiên bà đồng ý giao cho bà Q quản lý sử dụng, không tranh chấp.

Bà không đồng ý chia phần đất diện tích 9.247,2 m<sup>2</sup> (theo giấy 9.563,5 m<sup>2</sup>) thửa số 7, tờ bản đồ số 36 tọa lạc tại ấp P, xã P, huyện D, tỉnh Tây Ninh theo yêu cầu của bà L vì vợ chồng bà có công khai khẩn phần đất này, khi về làm dâu phần đất này vẫn chưa thành thuộc.

Ngày 20/3/2011, giữa bà và anh Ngô Tấn T có lập giấy sang nhượng cho anh Tài phần đất 2000 m<sup>2</sup> đất tại Ấp P, xã P, huyện D, tỉnh Tây Ninh nhưng thực tế không thực hiện, anh Tài chưa đưa tiền bà cũng không giao đất. Trên đất có 01 căn nhà của bà Q xây dựng nhưng bà không tranh chấp.

Hiện tại 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tranh chấp bà đang thế chấp cho Ngân hàng Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam chi nhánh H Phòng giao dịch huyện D vào ngày 09-9-2019 vay số tiền 1.000.000.000 đồng thời hạn vay là 12 tháng. Bà yêu cầu tiếp tục thực hiện hợp đồng với Ngân hàng.

Bà thống nhất với kết quả đo đạc, định giá phần đất tranh chấp của Công ty TNHH Trắc địa và bản đồ miền Nam và Công ty TNHH Thẩm định giá MHD theo sơ đồ hiện trạng số 31/TĐMN-2018 và chứng thư thẩm định số 0633N/2018/CT-MHD ngày 02/07/2018.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, bà Nguyễn Thị D, bà Nguyễn Mộng T, ông Nguyễn Văn Ph, bà Nguyễn Thị X, bà Nguyễn Thị Q trình bày:*

Thống nhất với bà L về mối quan hệ huyết thống; thời Đ cụ Chón và cụ Nghĩa chết; các con của hai cụ, thời Đ bà Nời, ông Đức chết, các con bà Nời; vợ và con ông Đức; thống nhất với di sản mà hai cụ để lại. Bà yêu cầu Tòa án chia hai phần đất tranh chấp là di sản thừa kế làm 09 phần; chia đều cho các anh chị em (trong đó có bà Nời), chia cho bà T và các con 02 phần đất tranh chấp do bà T có phần công sức gìn giữ.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, ông Dương Công Thành trình bày:*

Ngày 09/9/2019, Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam chi nhánh H phòng giao dịch huyện D có cho bà Lê Thùy T và các con bà T vay số tiền 1.000.000.000 đồng, thời hạn vay 01 năm từ ngày 09-9-2019; tài sản thế chấp là phần đất diện tích 10.142,3 m<sup>2</sup> và phần đất 10.013,7 m<sup>2</sup> thửa số 82, thửa số 2 và thửa số 176, tờ bản đồ số 27 và thửa số 36 đất tọa lạc tại xã P, huyện D, tỉnh Tây Ninh. Nay bà L khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế, ông đại diện cho Ngân hàng không có yêu cầu gì đối với bà T vì hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng và bà T và các con bà T vẫn còn thời hạn, bà T và các con bà không vi phạm hợp đồng với Ngân hàng nên yêu cầu tiếp tục thực hiện hợp đồng. Đối với yêu cầu khởi kiện của bà L ông không đồng ý việc chia di sản thừa kế vì di sản thừa kế là tài sản thế chấp của chị T đối với Ngân hàng. Nếu chị T đồng ý chia thừa kế là tài sản thế chấp, đề nghị chị T thực hiện nghĩa vụ cho ngân hàng trước khi hết hạn hợp đồng. Tuy nhiên, Ngân hàng không có yêu cầu độc lập trong vụ án này.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – chị Trần Ngọc Ng trình bày:*

Cha chị là Trần Ngọc Anh, chết năm nào không nhớ; mẹ chị là Nguyễn Thị Nời chết năm 2009; cha mẹ chị có 05 người con chung: Trần Ngọc G, sinh năm 1978; Trần Quang Th, sinh năm 1980; Trần Ngọc M, sinh năm 1982; chị là Trần Ngọc Ng; anh Trần Quang Nh. Cha mẹ chị không có con nuôi, con ngoài giá thú. Đối với yêu cầu khởi kiện của bà L, chị yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – anh Ngô Tấn T trình bày:* Ngày 20/3/2011, giữa anh và bà T có lập giấy sang nhượng cho anh Tài phần đất 2000 m<sup>2</sup> đất tại Ấp P, xã P, huyện D, tỉnh Tây Ninh đất thuộc thửa 07, 176; tờ bản đồ số 36 theo giấy chứng nhận QDDĐ số CH00568 do UBND huyện D cấp ngày 10/12/2014 nhưng thực tế không thực hiện, anh Tài chưa đưa tiền bà cũng không giao đất. Trên đất có 01 căn nhà của bà Q xây dựng anh không tranh chấp. Đối với yêu cầu khởi kiện của bà L, anh yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 06/2019/DSST ngày 14 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh đã quyết định:

Căn cứ vào các Điều 613, 623, 649, 650, 651, 652 và 660 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 157, khoản 2 Điều 165 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L đối với bà Lê Thùy T về *“Tranh chấp về thừa kế tài sản”*.

2. Tuyên bố phần đất diện tích 10.142,3 m<sup>2</sup> (đo đạc thực tế 10.106,8m<sup>2</sup>) thửa 82, tờ bản đồ số 27, đất tọa lạc tại ấp P, xã P, huyện D, tỉnh Tây Ninh; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH06409 ngày 05/11/2013 do Ủy ban nhân dân huyện D cấp cho bà Lê Thùy T, chị Nguyễn Thị Ngọc Đ, chị Nguyễn Thị T T, chị Nguyễn Thị M L là di sản thừa kế của cụ Nghĩa và cụ Chón để lại.

3. Di sản thừa kế được chia theo pháp luật như sau:

3.1. Bà Nguyễn Thị Q được hưởng phần đất diện tích 1.123,6 m<sup>2</sup> (trong đó có 44,44 m<sup>2</sup> đất thổ cư), đất thuộc thửa 82 tờ bản đồ số 27 tại ấp P, xã P, huyện D, tỉnh Tây Ninh; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH06409 ngày 05/11/2013 do Ủy ban nhân dân huyện D cấp cho bà T, chị Đ, chị T, chị L. Đất có tứ cận:

Đông giáp đường đất dài 7.44m;

Tây giáp đất ông Tư Hoàng dài 10,48m;

Nam giáp đất chia cho bà T dài 126,03m;

Bắc giáp đất ông Ph dài 128,8 m.

Trên đất có nhà và cây cao su của bà Nguyễn Thị Q.

3.2. Bà Nguyễn Mộng T được hưởng phần đất diện tích 1.122,4 m<sup>2</sup> (trong đó có 44,44 m<sup>2</sup> đất thổ cư), đất thuộc thửa 82 tờ bản đồ số 27 tại ấp P, xã P, huyện D,

tỉnh Tây Ninh; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH06409 ngày 05/11/2013 do Ủy ban nhân dân huyện D cấp cho bà T, chị Đ, chị T, chị L. Đất có tứ cận:

Đông giáp đường đất dài 7,68m;

Tây giáp đất ông Tư Hoàng dài 6,05 + 4,68m;

Nam giáp đất chia cho bà L dài 122,63m;

Bắc giáp đất chia cho bà Q dài 126,03m.

3.3. Bà Nguyễn Thị L được hưởng phần đất diện tích 1.122,8 m<sup>2</sup>(trong đó có 44,44 m<sup>2</sup> đất thổ cư), đất thuộc thửa 82 tờ bản đồ số 27 tại ấp P, xã P, huyện D, tỉnh Tây Ninh; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH06409 ngày 05/11/2013 do Ủy ban nhân dân huyện D cấp cho bà T, chị Đ, chị T, chị L. Đất có tứ cận:

Đông giáp đường đất dài 7,92m;

Tây giáp đất ông Tư Hoàng dài 10,97m;

Nam giáp đất chia cho ông Ph dài 119,19m;

Bắc giáp đất chia cho bà T dài 122,63m.

3.4. Ông Nguyễn Văn Ph được hưởng phần đất diện tích 1.122,6 m<sup>2</sup>(trong đó có 44,44 m<sup>2</sup> đất thổ cư), đất thuộc thửa 82 tờ bản đồ số 27 tại ấp P, xã P, huyện D, tỉnh Tây Ninh; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH06409 ngày 05/11/2013 do Ủy ban nhân dân huyện D cấp cho bà T, chị Đ, chị T, chị L. Đất có tứ cận:

Đông giáp đường đất dài 8,17m;

Tây giáp đất ông Tư Hoàng dài 7,53m + 3,71m;

Nam giáp đất chia cho bà X dài 115,85m;

Bắc giáp đất chia cho bà L dài 119,19m.

3.5. Bà Nguyễn Thị X được hưởng phần đất diện tích 1.122,8 m<sup>2</sup> (trong đó có 44,44 m<sup>2</sup> đất thổ cư), đất thuộc thửa 82 tờ bản đồ số 27 tại ấp P, xã P, huyện D, tỉnh Tây Ninh; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH06409 ngày 05/11/2013 do Ủy ban nhân dân huyện D cấp cho bà T, chị Đ, chị T, chị L. Đất có tứ cận:

Đông giáp đường đất dài 8,44m;

Tây giáp đất ông Tư Hoàng dài 11,52m;

Nam giáp đất chia cho bà Dơn dài 112,55m;

Bắc giáp đất chia cho ông Ph dài 115,85m.

3.6. Bà Nguyễn Thị D được hưởng phần đất diện tích 1.123,1 m<sup>2</sup> (trong đó có 44,44 m<sup>2</sup> đất thổ cư), đất thuộc thửa 82 tờ bản đồ số 27 tại ấp P, xã P, huyện D,

tỉnh Tây Ninh; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH06409 ngày 05/11/2013 do Ủy ban nhân dân huyện D cấp cho bà T, chị Đ, chị T, chị L. Đất có tứ cận:

Đông giáp đường đất dài 8,76m;

Tây giáp đất ông Tư Hoàng dài 11,83m;

Nam giáp đất chia cho các con bà Nời dài 109,23m;

Bắc giáp đất chia cho bà X dài 112,55m.

3.7. Chị Trần Ngọc G, anh Trần Quang Th, chị Trần Ngọc M, anh Trần Quang Nh, chị Trần Ngọc Ng được hưởng phần đất diện tích 1.123,0 m<sup>2</sup> (trong đó có 44,44 m<sup>2</sup> đất thổ cư), đất thuộc thửa 82 tờ bản đồ số 27 tại ấp P, xã P, huyện D, tỉnh Tây Ninh; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH06409 ngày 05/11/2013 do Ủy ban nhân dân huyện D cấp cho bà T, chị Đ, chị T, chị L. Đất có tứ cận:

Đông giáp đường đất dài 9,12m;

Tây giáp đất ông Tư Hoàng dài 5,41m + 6,75m;

Nam giáp đất chia cho các con bà Nời dài 109,23m;

Bắc giáp đất chia cho bà Dồn dài 109,23m;

Bắc giáp đất chia cho bà T và các con bà T dài 105,89m.

3.8. Bà Lê Thùy T, chị Nguyễn Thị Ngọc Đ, chị Nguyễn Thị T T, chị Nguyễn Thị M L được hưởng phần đất diện tích 2.246,5 m<sup>2</sup> (trong đó có 88,92 m<sup>2</sup> đất thổ cư), đất thuộc thửa 82 tờ bản đồ số 27 tại ấp P, xã P, huyện D, tỉnh Tây Ninh; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH06409 ngày 05/11/2013 do Ủy ban nhân dân huyện D cấp cho bà T, chị Đ, chị T, chị L. Đất có tứ cận:

Đông giáp đường đất dài 19,67m;

Tây giáp đất ông Tư Hoàng dài 25,72m;

Nam giáp đất ông Lê Ngọc Sự dài 39,2m

Bắc giáp đất chia cho bà Q dài 109,23m;

Bắc giáp đất chia cho các con bà Nời dài 105,89m.

*Có sơ đồ hiện trạng khu đất số 31/TDDMN-2018 ngày 27/4/2018 và sơ đồ hiện trạng khu đất bản chia tách thửa đất số 31-2019/TĐMN-2018 ngày 27 tháng 4 năm 2018 kèm theo bản án.*

Bà Lê Thùy T, chị Nguyễn Thị Ngọc Đ, chị Nguyễn Thị T T, chị Nguyễn Thị M L có nghĩa vụ thu dọn và di dời toàn bộ cây trồng trên các phần đất chia cho bà L, bà D, ông Ph, bà X, các con bà Nời (chị G, anh Th, chị M, anh Nh, chị Nga).

4. Không chấp nhận yêu cầu chia 3m ngang x dài hết đất trên phần đất diện tích 9.563,5 m<sup>2</sup> (diện tích thực tế là 9.247,2 m<sup>2</sup>) đất thuộc thửa số 7, tờ bản đồ số 36 tại ấp P, xã P, huyện D, tỉnh Tây Ninh, theo giấy chứng nhận QSDĐ số CH00568, do Ủy ban nhân dân huyện D cấp ngày 10 tháng 12 năm 2014 cho bà Lê Thùy T, chị Nguyễn Thị Ngọc Đ, chị Nguyễn Thị T T, chị Nguyễn Thị M L của bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị D, bà Nguyễn Thị Q, ông Nguyễn Văn Ph, bà Nguyễn Thị X.

5. Tuyên bố hủy 01 phần hợp đồng thế chấp số 19021098/2019/1.01a/HĐBĐ/NHCT662 ngày 09-9-2019 giữa bà Lê Thùy T và Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam, chi nhánh H, Phòng giao dịch huyện D, tỉnh Tây Ninh.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên chi phí thẩm định, đo vẽ, định giá tài sản; án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 29/11/2019 bà Lê Thùy T kháng cáo yêu cầu chia công sức quản lý làm tăng giá trị đất; yêu cầu nhận đất, thanh toán lại giá trị quyền sử dụng đất cho bà L, bà D, ông Ph, bà X và các con bà Nời.

Tại phiên tòa phúc thẩm người kháng cáo vẫn giữ nguyên kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được việc giải quyết vụ án. Luật sư bảo vệ quyền lợi cho bà T cho rằng, vợ chồng bà T quản lý, sử dụng thửa đất này từ lâu, đã đầu tư công sức rất nhiều trên đất; hiện trên đất trồng cây cao su nên đề nghị thanh toán tiền cho bà L, bà D, ông Ph, bà X và các con bà Nời để bà T sử dụng đất, nhằm tránh thiệt hại cây trồng trên đất. Do đó, đề nghị chấp nhận đơn kháng cáo của bà T, sửa bản án sơ thẩm.

Bà L, bà D, bà Q, bà T, ông Ph, bà X và các con bà Nời không chấp nhận yêu cầu của bà T, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Quan Đ của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa: Về thủ tục tố tụng Thẩm phán, thư ký và các đương sự tuân thủ đúng thủ tục tố tụng. Về nội dung, bản án sơ thẩm xét xử có căn cứ, đúng pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử, bác đơn kháng cáo của bà T, giữ y bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

- Đơn kháng cáo của bà Lê Thùy T đúng quy định pháp luật, nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

- Xét nội dung đơn kháng cáo của bà Lê Thùy T:

[1]. Tòa án cấp sơ thẩm xác định diện tích 10.106,8 m<sup>2</sup> đất, tại thửa 82, tờ bản đồ số 27, tọa lạc tại ấp P, xã P, huyện D, tỉnh Tây Ninh, là di sản của cụ Nghĩa và cụ Chón chết để lại; cụ Nghĩa và cụ Chón có 07 người con chung và cụ Chón có 01 con riêng nhưng sống chung với cụ Nghĩa và cụ Chón từ nhỏ. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã chia 9 kỷ phần thừa kế, bà T và các con được hưởng 01 kỷ phần thừa kế của ông Đức chết để lại và được hưởng 01 kỷ phần tính công sức gìn giữ, quản lý, làm tăng giá trị đất là đúng pháp luật. Bà T kháng cáo cho rằng chưa xem xét công sức của gia đình bà là không có căn cứ.

[2]. Diện tích đất 10.106,8 m<sup>2</sup> của cụ Nghĩa và cụ Chón để lại, các đương sự đều có nhu cầu sử dụng; chia bằng hiện vật là quyền sử dụng đất thì mỗi kỷ phần thừa kế được sử dụng là 1.122,4m<sup>2</sup> đất. Như vậy, di sản của cụ Nghĩa và cụ Chón là diện tích đất phân chia được và đủ điều kiện để tách thửa nên Tòa án cấp sơ thẩm chia quyền sử dụng đất cho các đồng thừa kế là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Tại Tòa án cấp sơ thẩm, bà T không có yêu cầu giải quyết bồi thường đối với tài sản, cây trồng trên đất nên Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét, do đó, cấp phúc thẩm không có căn cứ để giải quyết. Nay bà T kháng cáo cho rằng có cây cao su trên đất nên yêu cầu được sử dụng đất và đề nghị thanh toán trị giá bằng tiền cho bà L, bà D, ông Ph, bà X và các con của bà Nời (nếu không được thì bà yêu cầu họ thanh toán lại cho bà trị giá cây trồng trên đất) nhưng họ không đồng ý. Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà T có nghĩa vụ thu dọn và di dời toàn bộ cây trồng trên đất để giao cho người thừa kế được sử dụng là phù hợp. Nay bà T yêu cầu bồi thường tài sản, cây trồng trên đất là không có căn cứ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận nội dung kháng cáo này của bà T.

[3]. Từ phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phù hợp với những phân tích, nhận định trên của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận; không chấp nhận đơn kháng cáo của bà T, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Do đó, bà T phải chịu án phí phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015

I. Không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bị đơn bà Lê Thùy T; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ khoản 2 Điều 157, khoản 2 Điều 165 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ Điều 613, Điều 623, Điều 649, Điều 650, Điều 651, Điều 652 và Điều 660 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L đối với bà Lê Thùy T về “*Tranh chấp thừa kế tài sản*”.

2. Tuyên bố phần đất diện tích 10.142,3m<sup>2</sup> (đo đạc thực tế 10.106,8m<sup>2</sup> đất), tại thửa 82, tờ bản đồ số 27, tọa lạc tại ấp P, xã P, huyện D, tỉnh Tây Ninh; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH06409 ngày 05/11/2013 do Ủy ban nhân dân huyện D cấp cho bà Lê Thùy T, chị Nguyễn Thị Ngọc Đ, chị Nguyễn Thị T T, chị Nguyễn Thị M L là di sản thừa kế của cụ Nghĩa và cụ Chón để lại.

3. Di sản thừa kế được chia theo pháp luật như sau:

3.1. Bà Nguyễn Thị Q được hưởng phần đất diện tích 1.123,6 m<sup>2</sup> (trong đó có 44,44 m<sup>2</sup> đất thổ cư), đất thuộc thửa 82 tờ bản đồ số 27 tại ấp P, xã P, huyện D, tỉnh Tây Ninh; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH06409 ngày 05/11/2013 do Ủy ban nhân dân huyện D cấp cho bà T, chị Đ, chị T, chị L. Đất có tứ cận:

Đông giáp đường đất dài 7.44m;

Tây giáp đất ông Tư Hoàng dài 10,48m;

Nam giáp đất chia cho bà T dài 126,03m;

Bắc giáp đất ông Ph dài 128,8 m.

Trên đất có nhà và cây cao su của bà Nguyễn Thị Q.

3.2. Bà Nguyễn Mộng T được hưởng phần đất diện tích 1.122,4 m<sup>2</sup> (trong đó có 44,44 m<sup>2</sup> đất thổ cư), đất thuộc thửa 82 tờ bản đồ số 27 tại ấp P, xã P, huyện D, tỉnh Tây Ninh; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH06409 ngày 05/11/2013 do Ủy ban nhân dân huyện D cấp cho bà T, chị Đ, chị T, chị L. Đất có tứ cận:

Đông giáp đường đất dài 7,68m;

Tây giáp đất ông Tư Hoàng dài 6,05 + 4,68m;

Nam giáp đất chia cho bà L dài 122,63m;

Bắc giáp đất chia cho bà Q dài 126,03m.

3.3. Bà Nguyễn Thị L được hưởng phần đất diện tích 1.122,8 m<sup>2</sup> (trong đó có 44,44 m<sup>2</sup> đất thổ cư), đất thuộc thửa 82 tờ bản đồ số 27, tại ấp P, xã P, huyện D, tỉnh Tây Ninh; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH06409 ngày 05/11/2013 do Ủy ban nhân dân huyện D cấp cho bà T, chị Đ, chị T, chị L. Đất có tứ cận:

Đông giáp đường đất dài 7,92m;

Tây giáp đất ông Tư Hoàng dài 10,97m;

Nam giáp đất chia cho ông Ph dài 119,19m;

Bắc giáp đất chia cho bà T dài 122,63m.

3.4. Ông Nguyễn Văn Ph được hưởng phần đất diện tích 1.122,6 m<sup>2</sup> (trong đó có 44,44 m<sup>2</sup> đất thổ cư), đất thuộc thửa 82 tờ bản đồ số 27, tại ấp P, xã P, huyện D, tỉnh Tây Ninh; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH06409 ngày 05/11/2013 do Ủy ban nhân dân huyện D cấp cho bà T, chị Đ, chị T, chị L. Đất có tứ cận:

Đông giáp đường đất dài 8,17m;

Tây giáp đất ông Tư Hoàng dài 7,53m + 3,71m;

Nam giáp đất chia cho bà X dài 115,85m;

Bắc giáp đất chia cho bà L dài 119,19m.

3.5. Bà Nguyễn Thị X được hưởng phần đất diện tích 1.122,8 m<sup>2</sup> (trong đó có 44,44 m<sup>2</sup> đất thổ cư), đất thuộc thửa 82 tờ bản đồ số 27 tại ấp P, xã P, huyện D, tỉnh Tây Ninh; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH06409 ngày 05/11/2013 do Ủy ban nhân dân huyện D cấp cho bà T, chị Đ, chị T, chị L. Đất có tứ cận:

Đông giáp đường đất dài 8,44m;

Tây giáp đất ông Tư Hoàng dài 11,52m;

Nam giáp đất chia cho bà Dơn dài 112,55m;

Bắc giáp đất chia cho ông Ph dài 115,85m.

3.6. Bà Nguyễn Thị D được hưởng phần đất diện tích 1.123,1 m<sup>2</sup> (trong đó có 44,44 m<sup>2</sup> đất thổ cư), đất thuộc thửa 82 tờ bản đồ số 27 tại ấp P, xã P, huyện D, tỉnh Tây Ninh; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH06409 ngày 05/11/2013 do Ủy ban nhân dân huyện D cấp cho bà T, chị Đ, chị T, chị L. Đất có tứ cận:

Đông giáp đường đất dài 8,76m;

Tây giáp đất ông Tư Hoàng dài 11,83m;

Nam giáp đất chia cho các con bà Nời dài 109,23m;

Bắc giáp đất chia cho bà X dài 112,55m.

3.7. Chị Trần Ngọc G, anh Trần Quang Th, chị Trần Ngọc M, anh Trần Quang Nh, chị Trần Ngọc Ng được hưởng phần đất diện tích 1.123,0 m<sup>2</sup> (trong đó có 44,44 m<sup>2</sup> đất thổ cư), đất thuộc thửa 82 tờ bản đồ số 27, tại ấp P, xã P, huyện D, tỉnh Tây Ninh; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH06409 ngày 05/11/2013 do Ủy ban nhân dân huyện D cấp cho bà T, chị Đ, chị T, chị L. Đất có tứ cận:

Đông giáp đường đất dài 9,12m;

Tây giáp đất ông Tư Hoàng dài 5,41m + 6,75m;

Nam giáp đất chia cho các con bà Nời dài 109,23m;

Bắc giáp đất chia cho bà Dờn dài 109,23m;

Bắc giáp đất chia cho bà T và các con bà T dài 105,89m.

3.8. Bà Lê Thùy T, chị Nguyễn Thị Ngọc Đ, chị Nguyễn Thị T T, chị Nguyễn Thị M L được hưởng phần đất diện tích 2.246,5m<sup>2</sup> (trong đó có 88,92m<sup>2</sup> đất thổ cư), đất thuộc thửa 82 tờ bản đồ số 27, tại ấp P, xã P, huyện D, tỉnh Tây Ninh; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH06409 ngày 05/11/2013 do Ủy ban nhân dân huyện D cấp cho bà T, chị Đ, chị T, chị L. Đất có tứ cận:

Đông giáp đường đất dài 19,67m;

Tây giáp đất ông Tư Hoàng dài 25,72m;

Nam giáp đất ông Lê Ngọc Sự dài 39,2m

Bắc giáp đất chia cho bà Q dài 109,23m;

Bắc giáp đất chia cho các con bà Nời dài 105,89m.

*Có sơ đồ hiện trạng khu đất số 31/TDDMN-2018 ngày 27/4/2018 và sơ đồ hiện trạng khu đất bản chia tách thửa đất số 31-2019/TĐMN-2018 ngày 27 tháng 4 năm 2018 kèm theo bản án.*

Bà Lê Thùy T, chị Nguyễn Thị Ngọc Đ, chị Nguyễn Thị T T, chị Nguyễn Thị M L có nghĩa vụ thu dọn và di dời toàn bộ cây trồng trên các phần đất chia cho bà L, bà D, ông Ph, bà X, các con bà Nời (chị G, anh Th, chị M, anh Nh, chị Nga).

4. Không chấp nhận yêu cầu chia 3m ngang x dài hết đất trên phần đất diện tích 9.563,5 m<sup>2</sup> (diện tích thực tế là 9.247,2m<sup>2</sup>) đất thuộc thửa số 7, tờ bản đồ số 36 tại ấp P, xã P, huyện D, tỉnh Tây Ninh, theo giấy chứng nhận QSDĐ số CH00568, do Ủy ban nhân dân huyện D cấp ngày 10 tháng 12 năm 2014 cho bà Lê Thùy T, chị Nguyễn Thị Ngọc Đ, chị Nguyễn Thị T T, chị Nguyễn Thị M L của bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị D, bà Nguyễn Thị Q, ông Nguyễn Văn Ph,

bà Nguyễn Thị X.

5. Tuyên bố hủy 01 phần hợp đồng thế chấp số 19021098/2019/1.01a/HĐBĐ/NHCT662 ngày 09-9-2019 giữa bà Lê Thùy T và Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam, chi nhánh H, Phòng giao dịch huyện D, tỉnh Tây Ninh.

6. Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét, thẩm định và định giá tài sản số tiền là 15.000.000 đồng; Bà Nguyễn Thị L đã nộp tạm ứng số tiền trên.

Bà Lê Thùy T, Nguyễn Thị Ngọc Đ, Nguyễn Thị T T, Nguyễn Thị M L có nghĩa vụ trả lại cho bà Nguyễn Thị L số tiền tạm ứng đã nộp là 3.333.333 (Ba triệu ba trăm ba mươi ba nghìn ba trăm) đồng.

Bà Nguyễn Thị D, bà Nguyễn Thị Q, ông Nguyễn Văn Ph, bà Nguyễn Thị X, bà Nguyễn Mộng T mỗi người có nghĩa vụ trả lại cho bà Nguyễn Thị L số tiền tạm ứng đã nộp là 1.666.666 (Một triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm) đồng.

Các con bà Nời là chị Trần Ngọc G, anh Trần Quang Th, chị Trần Ngọc M, anh Trần Quang Nh, chị Trần Ngọc Ng có nghĩa vụ trả lại cho bà L số tiền tạm ứng đã nộp là 1.666.666 (Một triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

7. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Chị Trần Ngọc G, anh Trần Quang Th, chị Trần Ngọc M, anh Trần Quang Nh, chị Trần Ngọc Ng được miễn án phí.

- Bà Nguyễn Thị D, ông Nguyễn Văn Ph, bà Nguyễn Thị X được miễn án phí.

- Bà Nguyễn Thị L phải chịu 5.273.685 (Năm triệu hai trăm bảy mươi ba nghìn sáu trăm tám mươi lăm) đồng. Khấu trừ vào số tiền 2.500.000 đồng bà Nguyễn Thị L đã nộp theo biên lai thu số 0014966 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện D, tỉnh Tây Ninh; bà Nguyễn Thị L còn phải nộp tiếp số tiền 2.773.685 (Hai triệu bảy trăm bảy mươi ba nghìn sáu trăm tám mươi lăm) đồng.

- Bà Nguyễn Thị Quờn, bà Nguyễn Mộng T mỗi người phải chịu 5.273.685 (Năm triệu hai trăm bảy mươi ba nghìn sáu trăm tám mươi lăm) đồng.

- Bà Lê Thùy T, Nguyễn Thị Ngọc Đ, Nguyễn Thị T T, Nguyễn Thị M L phải chịu 10.547.368 (Mười triệu năm trăm bốn mươi bảy nghìn ba trăm sáu mươi tám) đồng.

II. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Lê Thùy T phải chịu 300.000 đồng; khấu trừ 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0001121 ngày 02/12/2019 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh, bà Lê Thùy T đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

III. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày 19 tháng 8 năm 2020.

**Nơi nhận:**

- TANDTC (1)
- VKSND cấp cao tại TP.HCM (1);
- TAND tỉnh Tây Ninh (1);
- VKSND tỉnh Tây Ninh (1);
- Cục THADS tỉnh Tây Ninh (1);
- Chi cục THSDS huyện D, tỉnh Tây Ninh (1);
- Đương sự (9);
- Lưu VP (6), HS (1), (22b)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đặng Văn Ý**